

Số: /KH-UBND Vinh Yên, ngày tháng 5 năm 2022

KẾ HOẠCH
Thực hiện chương trình giảm nghèo năm 2022

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP, ngày 27/1/2021 của Chính phủ Quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 -2025; Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Thực hiện Kế hoạch số 109/KH-UBND ngày 26/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện chương trình giảm nghèo năm 2022; Thực hiện Kế hoạch số 113/KH-UBND ngày 29/4/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc thực hiện chương trình giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Ủy ban nhân dân thành phố ban hành kế hoạch giảm nghèo năm 2022 với nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chính sách giảm nghèo để cải thiện điều kiện sống của người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; tạo điều kiện để hộ nghèo, hộ cận nghèo được tiếp cận ngày càng thuận lợi hơn với các dịch vụ xã hội cơ bản. Thông qua các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện về công tác giảm nghèo, góp phần thu hẹp khoảng cách chênh lệch về mức sống giữa thành thị và nông thôn. Gắn giảm nghèo với thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới; hoàn thành chỉ tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo năm 2022.

2. Một số chỉ tiêu cụ thể.

- Giảm 85 hộ nghèo, tỷ lệ giảm trung bình là 0,2- 0,25%; giảm 65-70 hộ cận nghèo, tỷ lệ giảm trung bình là 0,2- 0,25%;

- 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu được ưu tiên vay vốn tín dụng ưu đãi để đầu tư sản xuất, phát triển kinh tế.

- 100% người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được cấp thẻ BHYT.

- 100% học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, cận nghèo được miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập.

- 100% cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp được tập huấn nâng cao năng lực, phổ biến chính sách về giảm nghèo.

- 100% cán bộ Lao động - TB&XH cấp xã được tập huấn, sử dụng thành thạo hệ thống phần mềm quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận đa chiều; Công tác cập nhật, quản lý thông tin hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận đa chiều trên hệ thống phần mềm quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo thống nhất ở 2 cấp: cấp xã, cấp thành phố.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

a) *Mục tiêu:* Hỗ trợ đa dạng hóa sinh kế, xây dựng, phát triển các mô hình giảm nghèo, dự án giảm nghèo để tạo việc làm, sinh kế bền vững, có thu nhập tốt, nâng cao chất lượng cuộc sống và thích ứng với biến đổi khí hậu, dịch bệnh cho người nghèo; góp phần thực hiện mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, phát huy các giá trị văn hóa của dân tộc, tăng trưởng kinh tế và mục tiêu giảm nghèo bền vững.

b) Đối tượng

- Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng kể từ thời điểm thoát nghèo), người khuyết tật (không có sinh kế ổn định) ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và phụ nữ thuộc hộ nghèo.

- Cá nhân, tổ chức, hộ gia đình, tổ, nhóm hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp; cơ sở đào tạo, cơ sở giáo dục nghề nghiệp; cơ sở sản xuất, kinh doanh khác xây dựng, nhân rộng, phát triển mô hình giảm nghèo, khởi nghiệp kinh doanh nhằm tạo việc làm, sinh kế, tăng thu nhập và chuyển giao khoa học, công nghệ, kỹ thuật, mô hình giảm nghèo cho người nghèo.

c) Nội dung hỗ trợ

- Đào tạo, tập huấn, hướng dẫn, thuê chuyên gia/cán bộ kỹ thuật/người có tay nghề cao; chuyển giao kỹ thuật, khoa học, công nghệ và mô hình kinh doanh; xây dựng mô hình giảm nghèo, vay vốn tín dụng ưu đãi từ Ngân hàng Chính sách xã hội; hỗ trợ trang thiết bị, vật tư, công cụ, nhà xưởng sản xuất và điều kiện cơ sở vật chất phục vụ sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; xúc tiến thương mại, quảng bá thương hiệu; hỗ trợ kinh phí, đặt hàng, giao nhiệm vụ xây dựng, phát triển, nhân rộng mô hình giảm nghèo và các nội dung hỗ trợ khác theo quy định của pháp luật.

- Xây dựng các mô hình tư vấn, giới thiệu việc làm cho lao động trên địa bàn thành phố.

2. Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

2.1. Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

a) *Mục tiêu:* Hỗ trợ phát triển sản xuất để bảo đảm an ninh lương thực và đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng cho người dân tại các vùng khó khăn. Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp (nông, lâm, ngư nghiệp) cho người nghèo theo hướng sản xuất hàng hóa, gắn sản xuất với chế biến, tiêu thụ, nâng cao chất lượng sản phẩm.

b) *Đối tượng:* Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng), người khuyết tật (không có sinh kế ổn định); ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo bảo trợ xã hội, phụ nữ thuộc hộ nghèo.

c) Nội dung

- Hỗ trợ một phần giống cây trồng, vật nuôi; thiết bị, vật tư, dụng cụ sản xuất; phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thú y và hỗ trợ khác.

- Hỗ trợ tập huấn kỹ thuật, áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất để nâng cao năng suất cây trồng, vật nuôi; tập huấn, tư vấn chuyển giao kỹ thuật cho người nghèo, cận nghèo.

2.2. Cải thiện dinh dưỡng

a) *Mục tiêu:* Cải thiện tình trạng dinh dưỡng và giảm suy dinh dưỡng thấp còi, chăm sóc sức khỏe, nâng cao thể trạng và tầm vóc của trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

b) *Đối tượng:* Trẻ em, phụ nữ mang thai và cho con bú thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; hộ gia đình; cơ sở y tế; trường học.

c) Nội dung hỗ trợ

- Tăng cường việc tiếp cận với các can thiệp trực tiếp phòng chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ, trẻ em dưới 5 tuổi thuộc hộ gia đình nghèo và cận nghèo.

- Tăng cường hướng dẫn chất lượng bữa ăn học đường và giáo dục chăm sóc dinh dưỡng; bảo vệ, chăm sóc cho trẻ học đường (trẻ từ 5-10 tuổi).

- Tăng cường công tác thông tin, truyền thông và tư vấn cho phụ nữ có thai, bà mẹ nuôi con nhỏ, người chăm sóc trẻ về lợi ích của việc chăm sóc dinh dưỡng cho phụ nữ và trẻ em.

- Nâng cao năng lực cho cán bộ y tế tuyến cơ sở, nhân viên y tế thôn và cán bộ, nhân viên chăm sóc, bảo vệ trẻ em cấp xã; tăng cường nguồn lực và vai trò phối hợp liên ngành về cải thiện chăm sóc dinh dưỡng phụ nữ, trẻ em.

3. Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

a) *Mục tiêu:* Cung cấp thông tin thị trường lao động, đa dạng hóa các hoạt động giao dịch việc làm, kết nối cung cầu lao động, hỗ trợ tạo việc làm bền vững cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

b) Đối tượng:

- Người lao động, ưu tiên lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

- Cơ quan quản lý nhà nước các cấp.

c) Nội dung

- Hỗ trợ giao dịch việc làm, kết nối cung - cầu lao động.

- Quản lý lao động gắn với cơ sở dữ liệu về dân cư.

- Thu thập, phân tích, dự báo thị trường lao động.

- Hỗ trợ kết nối việc làm.

4. Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

4.1. Giảm nghèo về thông tin

a) Mục tiêu

- Nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống thông tin cơ sở; tăng cường nội dung thông tin phổ biến, tuyên truyền về các chủ trương, đường lối của

Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, phổ biến kiến thức, kinh nghiệm, gương điển hình và các thông tin thiết yếu khác cho xã hội để góp phần thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng.

- Nâng cao khả năng tiếp cận, thụ hưởng thông tin thiết yếu của người dân; hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu sử dụng dịch vụ viễn thông, dịch vụ truy nhập internet để tiếp cận thông tin thông qua các dịch vụ này góp phần thu hẹp khoảng cách chênh lệch về tiếp cận thông tin.

b) Nội dung

- Nâng cao năng lực cho cán bộ thông tin và truyền thông, bao gồm: Nâng cấp, cập nhật nội dung chương trình, tài liệu, tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ thông tin, tuyên truyền.

- Cung cấp thông tin phục vụ tiếp cận thông tin của nhân dân ở các xã khu vực nông thôn thông qua các điểm Bưu điện Văn hóa xã.

- Tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động thông tin cơ sở và cung cấp nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội, ưu tiên đối với xã khu vực nông thôn.

4.2. Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

a) Mục tiêu: Tăng cường truyền thông, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội về công tác giảm nghèo đa chiều, khơi dậy tinh thần tự lực vươn lên thoát nghèo và huy động nguồn lực để thực hiện; tăng cường tuyên truyền các gương điển hình về giảm nghèo để thúc đẩy nhân rộng, đồng thời phát hiện ra các hành vi trục lợi chính sách giảm nghèo để có biện pháp đẩy lùi, ngăn chặn.

b) Đối tượng: Người nghèo, người dân; các tổ chức và cá nhân có liên quan.

c) Nội dung:

- Xây dựng chuyên trang, chuyên mục, phóng sự, ấn phẩm truyền thông; các sự kiện truyền thông, vận động xã hội, hội thảo, hội nghị; các tác phẩm truyền hình, phát thanh, báo viết, báo điện tử về giảm nghèo bền vững, về mô hình giảm nghèo, kinh nghiệm, sáng kiến giảm nghèo và gương điển hình vươn lên thoát nghèo; hướng dẫn người nghèo, hộ nghèo có kiến thức, kinh nghiệm trong lao động sản xuất; nâng cao nhận thức cho người dân yếu thế, những người dễ bị tổn thương để tiếp cận, thụ hưởng các chính sách giảm nghèo và an sinh xã hội; lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong nội dung truyền thông nhằm giảm định kiến giới, tạo điều kiện cho phụ nữ thoát nghèo.

- Tổ chức hội nghị đối thoại chính sách giảm nghèo với người nghèo, người cận nghèo và cộng đồng dân cư nhằm nắm bắt thông tin về mức độ tiếp cận các chính sách giảm nghèo của Trung ương và của tỉnh, thành phố đến với người nghèo, người cận nghèo, tiếp thu những phản ánh, tâm tư nguyện vọng của người nghèo, người cận nghèo về phương thức triển khai, tiếp cận chính sách, tính dân chủ, công khai, minh bạch trong thực hiện chính sách giảm nghèo ở địa phương, giúp cơ quan thường trực chương trình giảm nghèo đề xuất những giải pháp phù hợp để thực thi chính sách giảm nghèo tại cơ sở.

- Tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”; biểu dương, khen thưởng đối với các địa phương, cộng đồng, hộ nghèo phấn đấu và có thành tích thoát nghèo bền vững.

5. Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình

5.1. Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình

a) *Mục tiêu:* Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ công tác giảm nghèo; bảo đảm đội ngũ cán bộ có đủ năng lực thực hiện Chương trình đúng mục tiêu, đúng đối tượng, hiệu quả, bền vững.

b) *Đối tượng:* Đội ngũ cán bộ, nhân viên các cấp thuộc các cơ quan, ban, ngành chủ trì và tham gia tổ chức thực hiện các nội dung của Kế hoạch, nhất là cấp cơ sở (cán bộ thôn, đại diện cộng đồng, lãnh đạo tổ nhóm, cộng tác viên giảm nghèo, cán bộ các Hội, đoàn thể); cán bộ, nhân viên, cộng tác viên các tổ chức đoàn thể, người có uy tín trong cộng đồng tham gia triển khai thực hiện các nội dung của Kế hoạch, chú trọng đối tượng là cán bộ nữ.

c) *Nội dung:* Xây dựng tài liệu đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ về giảm nghèo; đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng cán bộ làm công tác giảm nghèo; nâng cao năng lực cho đội ngũ tuyên truyền viên cấp cơ sở; tổ chức học tập kinh nghiệm về giảm nghèo.

5.2. Giám sát, đánh giá

a) *Mục tiêu:* Bảo đảm tổ chức triển khai thực hiện Chương trình, đúng mục tiêu, đúng định hướng, đúng luật pháp, hiệu quả. Kịp thời giám sát, đánh giá tình hình, kết quả thực hiện, giải quyết những vấn đề khó khăn, vướng mắc, hạn chế. Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ người nghèo tự xác định được tình trạng nghèo của hộ gia đình, kết nối với thị trường và nâng cao nhận thức, năng lực vươn lên thoát nghèo.

b) *Đối tượng:*

- Các cơ quan chủ trì, quản lý và thực hiện các nội dung, hoạt động của kế hoạch giảm nghèo.

- Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện kế hoạch giảm nghèo bền vững.

c) *Nội dung thực hiện:*

- Thực hiện chế độ thu thập thông tin, báo cáo kiểm tra và giám sát, đánh giá thực hiện kế hoạch, gồm: chế độ thu thập thông tin và tổng hợp các Biểu mẫu; chế độ báo cáo kiểm tra và giám sát, đánh giá thực hiện kế hoạch; cách thức sử dụng thông tin của hệ thống giám sát và đánh giá cho quản lý và tổ chức thực hiện;

- Kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo định kỳ, hằng năm hoặc đột xuất (khi cần thiết);

- Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình hằng năm; tổ chức điều tra, đánh giá đầu kỳ, giữa kỳ và cuối kỳ ở các cấp; ứng dụng phần mềm quản lý hộ nghèo trong rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo.

6. Thực hiện các chính sách hỗ trợ của Trung ương và của Tỉnh đối với người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo

- **Chính sách hỗ trợ việc làm, đào tạo nghề:** Thực hiện theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2018 của Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm; Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015; Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND ngày 21/12/2021 của HĐND tỉnh Vĩnh Phúc về chính sách hỗ trợ hoạt động giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2022 -2025; Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng.

- **Chính sách trợ giúp pháp lý:** Luật Trợ giúp pháp lý và các quy định hiện hành như Quyết định số 32/2016/QĐ-TTg ngày 08/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ; Kế hoạch số 1756/KH-UBND ngày 28/3/2016 của UBND tỉnh về triển khai đề án đổi mới công tác trợ giúp pháp lý giai đoạn 2015-2025 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc; Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND, ngày 14/12/2020 của HĐND tỉnh về một số biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2021-2025; thực hiện trợ giúp pháp lý cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số và hỗ trợ các vụ việc tham gia tố tụng có tính chất phức tạp hoặc điển hình.

- **Chính sách hỗ trợ bảo hiểm y tế, khám chữa bệnh:** Thực hiện Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế; Quyết định số 14/2012/QĐ-TTg ngày 01/3/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 139/2002/QĐ-TTg ngày 15/10/2002 của Thủ tướng Chính phủ về khám, chữa bệnh cho người nghèo; Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 10/12/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân và phát triển sự nghiệp y tế tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2021-2025 tầm nhìn đến năm 2035; Nghị quyết số 17/2020/NQ-HĐND, ngày 14/12/2020 của HĐND tỉnh Quy định chính sách hỗ trợ người tham gia Bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

- **Chính sách hỗ trợ giáo dục đối với đối tượng là con hộ nghèo, hộ cận nghèo:** Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non; Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 10/12/2021 của BTV Tỉnh ủy về phát triển giáo dục Vĩnh Phúc giai đoạn 2021 -2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 14/2021/NQ-HĐND, ngày 12/11/2021 của HĐND tỉnh Quy định mức hỗ trợ đối với trẻ em, giáo viên mầm non...

- **Hỗ trợ vay vốn tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo và hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ có mức sống trung bình:** thực hiện theo Nghị định

số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng người nghèo và các đối tượng chính sách khác; Quyết định số 15/2013/QĐ-TTg ngày 23/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ cận nghèo; Quyết định số 28/2015/QĐ-TTg ngày 21/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ mới thoát nghèo, Quyết định số 02/2021/QĐ-TTg ngày 21/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 28/2015/QĐ-TTg ngày 21/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ mới thoát nghèo, Quyết định số 05/2022/QĐ-TTg ngày 23/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg về tín dụng đối với học sinh, sinh viên; Quyết định số 09/2022/QĐ-TTg ngày 08/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn để mua máy tính, thiết bị học tập trực tuyến...

- **Chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo:** Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg ngày 7/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 190/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc Quy định thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội.

- **Chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở:**

Tiếp tục rà soát, thống kê hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có HCKK có khó khăn về nhà ở năm 2022 đảm bảo nguyên tắc hỗ trợ trực tiếp đến từng hộ gia đình; bảo đảm dân chủ, công khai, công bằng và minh bạch trên cơ sở pháp luật và chính sách của Nhà nước; phù hợp với phong tục tập quán, với điều kiện thực tiễn và gắn với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương trong tỉnh; góp phần thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao; thực hiện hỗ trợ theo nguyên tắc nhà nước hỗ trợ theo phương thức cho vay vốn để xây dựng mới hoặc sửa chữa nhà ở với lãi suất ưu đãi, cộng đồng giúp đỡ, hộ gia đình tự tổ chức xây dựng nhà ở.

- **Tiếp tục thực hiện tốt, đầy đủ và kịp thời các chính sách đặc thù của tỉnh quy định tại** Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐND Quy định chính sách hỗ trợ các đối tượng thuộc hộ gia đình không có khả năng thoát nghèo trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 21/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức trợ giúp xã hội hàng tháng cho người cao tuổi từ đủ 70 đến dưới 80 tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo, không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện Chương trình

Các phòng, ban, đơn vị, UBMTTQ và các tổ chức chính trị- xã hội trên địa bàn thành phố căn cứ trách nhiệm của ngành, đơn vị mình, cấp mình phụ trách chủ động xây dựng kế hoạch ngay từ đầu năm, chỉ đạo quyết liệt trong việc tổ chức thực hiện các chính sách, dự án của chương trình. Đặc biệt các phòng, ban chuyên môn của thành phố chủ trì thực hiện các chính sách của Chương trình thường xuyên bám sát cơ sở, nắm tình hình tiến độ thực hiện các chính sách, dự

án để hướng dẫn kịp thời cho các xã, phường và người dân thực hiện chính sách đạt hiệu quả.

Tăng cường sự chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền cơ sở, coi giảm nghèo là nhiệm vụ trọng tâm, gắn với các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Tiếp tục tổ chức triển khai có hiệu quả mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra trong Kế hoạch số 113/KH-UBND ngày 29/4/2022 của UBND thành phố.

Tổ chức ký cam kết thực hiện mục tiêu giảm nghèo giữa UBND thành phố với các phòng, ban, đơn vị có liên quan và UBND các xã, phường.

Quán triệt, thực hiện tốt công tác xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình giảm nghèo ở tất cả các cấp, các ngành, đặc biệt là các lĩnh vực liên quan đến tạo sinh kế, phát triển sản xuất, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo, cận nghèo; việc xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình giảm nghèo phải cụ thể, gắn với thực hiện các nhiệm vụ của địa phương, ngành, đơn vị mình.

Tiếp tục ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo, người nghèo, người cận nghèo tiếp cận đa chiều thực hiện các chính sách liên quan đến hộ nghèo thống nhất từ thành phố và xã, phường.

Thực hiện tốt việc lập kế hoạch, giao chỉ tiêu giảm nghèo năm 2022 cho các xã, phường đảm bảo phù hợp với thực trạng và có sự thống nhất.

2. Về tổ chức triển khai thực hiện các chính sách giảm nghèo

- Chính sách vay vốn tín dụng ưu đãi: Ngân hàng Chính sách xã hội tiếp tục phối hợp UBND các xã, phường và các cơ quan liên quan hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo vay vốn để phát triển sản xuất, tạo việc làm tăng thu nhập; đồng thời tuyên truyền về việc nâng mức cho vay và thời hạn vay cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo, các hộ mới thoát nghèo biết để vay vốn sản xuất kinh doanh.

- Thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, ưu tiên nguồn lực để thực hiện đối hộ nghèo có đối tượng bảo trợ xã hội, các chương trình mục tiêu hỗ trợ giảm nghèo, an sinh xã hội theo quy định của nhà nước như: hỗ trợ nhà ở, y tế, giáo dục, dạy nghề, vay vốn ưu đãi, hỗ trợ sản xuất...

3. Thực hiện có hiệu quả các dự án của Chương trình

- Tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng, tạo sự liên kết, có cơ chế để người nghèo tiếp cận được nguồn vốn, tổ chức hỗ trợ phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho hộ nghèo; hỗ trợ người nghèo tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản, ưu tiên các dịch vụ thuộc nội dung giảm nghèo đa chiều như việc làm, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch, vệ sinh, thông tin. Đồng thời, đẩy mạnh xã hội hóa công tác giảm nghèo, tập trung nguồn lực, giải pháp giảm nghèo bền vững cho khu vực, địa bàn có tỷ lệ hộ nghèo cao.

- Tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả các dự án hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo: xây dựng các mô hình giảm nghèo; hỗ trợ phát triển sản xuất, cải

thiện dinh dưỡng đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm; hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn; truyền thông về thông tin giảm nghèo; tổ chức đào tạo tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp; thường xuyên tổ chức giám sát đánh giá tình hình thực hiện Chương trình.

- Tăng cường công tác tuyên truyền vận động tinh thần tự lực, tự cường cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo để họ tích cực tham gia thực hiện chương trình như: tham gia góp vốn của gia đình để thực hiện các dự án sinh kế, làm nhà ở, nước sạch, nhà vệ sinh, cải thiện môi trường sống; hỗ trợ phương tiện nghe xem cho các hộ nghèo thiếu hụt về thông tin để tiếp cận được thông tin; xây dựng các cụm thông tin truyền thông, nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác truyền thông tại cơ sở... Đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền phù hợp với đặc điểm, điều kiện của từng xã, phường chú trọng công tác tuyên truyền thông qua tổ chức các hội nghị đối thoại chính sách tại cơ sở. Trên cơ sở đặc điểm đối tượng, đặc điểm thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản theo từng địa phương để xác định, xây dựng nội dung, phương pháp tuyên truyền phù hợp. Nội dung truyền thông, tuyên truyền ngoài việc phổ biến chính sách giảm nghèo của nhà nước, cũng làm rõ vai trò của người nghèo đối với công tác giảm nghèo, trong đó hộ nghèo, cận nghèo vừa là chủ thể, vừa là đối tượng và người được hưởng lợi từ Chương trình giảm nghèo. Đồng thời nêu rõ trách nhiệm của người nghèo trong việc chủ động tìm biện pháp tăng thu nhập, thoát nghèo cùng với sự hỗ trợ, hướng dẫn của chính quyền, đoàn thể và cộng đồng, trong đó phải làm cho người nghèo thấy rõ sự giúp đỡ của nhà nước, cộng đồng chỉ là hỗ trợ, sự nỗ lực, tự vươn lên của bản thân hộ nghèo là quan trọng nhất.

- Tăng cường huy động, vận động các tổ chức, cá nhân trong và ngoài thành phố để có thêm nguồn lực hỗ trợ cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo với phương châm "*không để ai bị bỏ lại phía sau*". Tập trung nguồn lực vận động hỗ trợ cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo có thành viên là đối tượng bảo trợ xã hội. Thực hiện hiệu quả việc lồng ghép với các chương trình mục tiêu, dự án khác để phát huy tối đa nguồn lực tập trung cho giảm nghèo bền vững.

4. Thực hiện điều tra, rà soát hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022- 2025.

Thực hiện Nghị định số 07/2021/NĐ-CP, ngày 27/1/2021 của Chính phủ Quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 -2025. Xây dựng Kế hoạch, phương án tổ chức thực hiện điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2022 trên địa bàn toàn thành phố, đảm bảo công khai, minh bạch, công bằng, đúng đối tượng theo quy định.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Nguồn kinh phí hỗ trợ của Trung ương, nguồn ngân sách địa phương theo phân cấp hiện hành.

- Nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội của Trung ương và địa phương.

- Huy động nguồn lực xã hội hóa từ đóng góp của các cá nhân, tổ chức, đơn vị và các nguồn lực hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội

- Là cơ quan thường trực công tác giảm nghèo của thành phố; chủ trì triển khai thực hiện Kế hoạch trên địa bàn thành phố.

- Chủ trì tham mưu, đề xuất và phối hợp với các phòng, ban, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện các nội dung, hoạt động tại Mục 1, Mục 3, điểm 4.2 - Mục 4, Mục 5 - phần II của Kế hoạch cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chức năng, nhiệm vụ.

- Chủ trì tham mưu, đề xuất, hướng dẫn, triển khai thực hiện công tác tuyên truyền, công tác rà soát xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định.

- Trực tiếp chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc các địa phương cập nhật kết quả dữ liệu điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn thành phố.

2. Phòng Kinh tế thành phố

- Chủ trì, hướng dẫn tổ chức thực hiện các nội dung, hoạt động tại điểm 2.1 của Mục 2 - Phần II; theo dõi, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện các hoạt động và báo cáo cơ quan Thường trực Chương trình để tổng hợp báo cáo UBND thành phố, tỉnh theo quy định.

- Phối hợp tham mưu, đề xuất, triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo thoát nghèo bền vững; lồng ghép có hiệu quả các chính sách, dự án xây dựng nông thôn mới với Kế hoạch giảm nghèo hằng năm của thành phố.

3. Phòng Văn hóa- TTTT thành phố

- Chủ trì triển khai thực hiện các nội dung, hoạt động tại điểm 4.1 - Mục 4 - Phần II của Kế hoạch;

- Chỉ đạo, hướng dẫn việc thực hiện công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của toàn xã hội về công tác giảm nghèo. Tuyên truyền, giới thiệu các mô hình giảm nghèo hiệu quả, các tổ chức, cá nhân điển hình tiên tiến, các tấm gương tiêu biểu trong công tác giảm nghèo.

4. Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương triển khai thực hiện kịp thời và đầy đủ các chính sách hỗ trợ giáo dục cho trẻ em mẫu giáo, học sinh TH, THCS là trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định.

5. Văn phòng HĐND- UBND thành phố

- Chủ trì, hướng dẫn tổ chức thực hiện các nội dung, hoạt động tại điểm 2.2 - Mục 2 - Phần II;

- Chỉ đạo, hướng dẫn việc tổ chức triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ của Trung ương, của Tỉnh, thành phố về hỗ trợ bảo hiểm y tế đối với hộ

nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo. Thực hiện công tác quản lý và phát huy hiệu quả Quỹ khám chữa bệnh người nghèo.

6. Phòng Tư pháp thành phố

Chủ trì, hướng dẫn các chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo, người cận nghèo, người dân tộc thiểu số trên địa bàn thành phố. Phối hợp tham mưu, đề xuất, triển khai thực hiện các chính sách liên quan đến lĩnh vực tư pháp cho người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chức năng, nhiệm vụ.

7. Bảo hiểm xã hội Tỉnh

Thực hiện cấp thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng là người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng chính sách xã hội khác (theo quy định của Trung ương và của Tỉnh) đảm bảo đối tượng được thụ hưởng chính sách kịp thời, đầy đủ.

8. Phòng Tài chính- kế hoạch thành phố

- Chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, đơn vị liên quan tham mưu, đề xuất với UBND thành phố việc cân đối, bố trí đảm bảo nguồn kinh phí thực hiện kế hoạch giảm nghèo. Phối hợp tham mưu, đề xuất, triển khai thực hiện các chính sách dự án liên quan đến đối tượng nghèo theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền.

- Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các phòng, ban, đơn vị và các địa phương phân khai nguồn kinh phí và triển khai thực hiện có hiệu quả nguồn vốn.

9. Chi cục Thống kê thành phố

- Phối hợp, cung cấp cho phòng Lao động - Thương binh và Xã hội các thông tin, số liệu liên quan đến cuộc rà soát: mã vùng địa phương, các số liệu về dân số, số hộ dân cư trên địa bàn... để làm cơ sở tính tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo và phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu sau rà soát.

- Phối hợp với phòng Lao động - Thương binh và Xã hội trong quá trình triển khai thực hiện và kiểm tra, giám sát hoạt động rà soát, khảo sát xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn thành phố.

10. Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh

Đảm bảo đủ nguồn vốn và hướng dẫn quy trình, thủ tục và tạo điều kiện cho các đối tượng là hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ có mức sống trung bình tiếp cận thuận lợi nguồn vốn vay và được vay vốn.

11. Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Căn cứ kế hoạch giảm nghèo của thành phố và thực tiễn của địa phương để xây dựng kế hoạch và cụ thể hóa các nội dung, nhiệm vụ giảm nghèo và tổ chức triển khai thực hiện, đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch về giảm nghèo năm 2022. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách của Trung ương, của Tỉnh, thành phố đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo. Khuyến khích các địa phương chủ động bố trí, cân đối nguồn ngân sách, vận động xã hội hóa để thực hiện các chính sách hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo thoát nghèo bền vững.

- Tổ chức rà soát, xác định hộ nghèo thường xuyên/định kỳ đảm bảo chính xác, kịp thời, công khai, tránh bệnh thành tích; xác định, nắm chắc nguyên nhân nghèo để có giải pháp hỗ trợ, giúp đỡ phù hợp, có hiệu quả. Đồng thời cập nhật thông tin hộ nghèo vào phần mềm quản lý, hoàn thiện bộ cơ sở dữ liệu về hộ nghèo.

- Triển khai, thực hiện có hiệu quả các mô hình giảm nghèo để giúp hộ nghèo, hộ cận nghèo vươn lên thoát nghèo và nhân rộng ra các nhóm hộ nghèo khác trên địa bàn và địa phương khác.

- Tổ chức đánh giá, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện công tác giảm nghèo định kỳ theo quy định.

13. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Hội liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh thành phố, Thành Đoàn: phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố, các phòng, ban, đơn vị và UBND các xã, phường tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân tham gia thực hiện tốt và giám sát quá trình tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn thành phố; hỗ trợ hộ nghèo là thành viên của tổ chức hội/đoàn thể để thực hiện chỉ tiêu cam kết giảm nghèo năm 2022.

14. Các thành viên Ban chỉ đạo thực hiện các chương trình mục tiêu Quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn thành phố Vĩnh Yên trực tiếp tham gia đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện công tác giảm nghèo tại các địa phương theo phân công tại Điều 3, Điều 4 Quyết định số 3282/QĐ-UBND ngày 25/10/2021 của UBND thành phố Vĩnh Yên về việc kiện toàn Ban chỉ đạo thực hiện các Chương trình MTQG thành phố Vĩnh Yên giai đoạn 2021-2025. Định kỳ 6 tháng, một năm báo cáo kết quả triển khai thực hiện với Ủy ban nhân dân thành phố (*qua phòng Lao động -TB&XH tổng hợp*) theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện chương trình giảm nghèo năm 2022, UBND thành phố yêu cầu các phòng, ban, đơn vị liên quan, UBND các xã, phường căn cứ Kế hoạch này để cụ thể hóa các nội dung phù hợp với đặc điểm tình hình của mỗi địa phương, đơn vị và triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Sở Lao động - TB và XH (b/c);
- TT Thành ủy, TT HĐND t/p (b/c);
- CT, các PCT;
- CPVP;
- UBMTTQ và các tổ chức CTXH t/p;
- Thành viên BCĐ CT MTQG t/p;
- Các phòng, ban, đơn vị t/p;
- UBND các xã, phường;
- Lưu VT, LĐT BXH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đào Văn Quyết